CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5
Địa chỉ: Tầng 5, Tháp B, Tòa nhà HH4, Khu đô thị Sông Đà- Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.222.555.86 Fax: 024.222.555.58
Website: www.songda5.com.vn

SONG DA 5

Số: 134 /26/TB/SĐ5-CƯ&TB

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Công ty cổ phần Sông Đà 5 thông báo về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản cố định thanh lý, thông tin cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản thẩm định giá:

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần Sông Đà 5
- Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Tên tài sản, số lượng và địa điểm thẩm định giá:

- Tên tài sản: Phục vụ thi công công trình đã qua sử dụng (Có bảng kê danh sách tài sản kèm theo).
- Số lượng: 03 tài sản.
- Địa điểm thẩm định giá: Khu đô thị Nam An Khánh - xã An Khánh - TP. Hà Nội.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản: Để đảm bảo việc tổ chức thẩm định giá trị tài sản được thực hiện theo quy định, Công ty cổ phần Sông Đà 5 lựa chọn và ưu tiên tổ chức thẩm định giá đó phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn phải thuộc danh sách công khai doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá năm 2026 của Bộ tài chính.
- Thẩm định viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật giá và quy định của pháp luật, có kinh nghiệm trong lĩnh vực thẩm định giá; Có kinh nghiệm trong lĩnh vực thẩm định giá; Có đầy đủ bản sao thẻ thẩm định viên của Bộ tài chính cấp.
- Có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm.
- Cung cấp chứng thư và chịu trách nhiệm giá trị thẩm định.
- Thù lao dịch vụ thẩm định giá trọn gói đã bao gồm tất cả các khoản chi phí đi lại khảo sát, thu thập thông tin thẩm định giá…

5. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp: Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ tài chính cấp.
- Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm (đóng quyển) chứng minh đủ năng lực thực hiện các tiêu chí nêu trên.
- Chào giá phí dịch vụ thẩm định trọn gói, các cam kết khác của tổ chức thẩm định giá (nếu có).

- Tổ chức thẩm định giá cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực với các thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

6. Thời hạn nộp hồ sơ: 07 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá. Hồ sơ nộp trực tiếp (trong giờ hành chính từ 8h00' đến 17h00') hoặc theo đường Bưu Điện (được tính theo dấu bưu điện với điều kiện Công ty cổ phần Sông Đà 5 phải nhận được trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thông báo).

7. Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Cung ứng và Thiết bị, Công ty cổ phần Sông Đà 5 - tầng 5 - tháp B - tòa nhà HH4 - KĐT Sông Đà Mỹ Đình - phường Từ Liêm - TP. Hà Nội.

**** Lưu ý:***

- Chúng tôi sẽ có văn bản thông báo kết quả cho đơn vị thẩm định giá được lựa chọn, những đơn vị không được thông báo kết quả được hiểu là không được lựa chọn và không hoàn trả hồ sơ với các đơn vị không được lựa chọn.

Công ty cổ phần Sông Đà 5 thông báo để các tổ chức chuyên nghiệp thẩm định giá tài sản được biết và đăng ký.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:
- Đăng Website công ty;
- Các phòng chức năng Công ty (phối hợp);
- Lưu: HCNS (bản gốc), CƯ&TB (photo).

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100886857 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Đông

BẢNG KÊ: DANH SÁCH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐỀ NGHỊ THANH LÝ

(Kèm theo thông báo số: 134..../26/TB/SĐ5-CU&TB ngày 17/6/2026 về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản)

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật chính	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Đvt	Số lượng	Trọng lượng ước tính (Tấn)	Ghi chú
	Tổng A+B+C						**2.888,99**	
A	**Dây truyền sản xuất bê tông RCC** **- Mã tài sản: 122LIE720M001SD5** **- Năm sử dụng: 2008** **- Nước sản xuất: Đức, Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam**						**2.828,49**	
I	**Trạm trộn bê tông RCC**	**720m^3/h**	**2007**	**Liebherr - Đức**	**Trạm**	**1,0**	**782,09**	
1	**Nồi trộn 1,2**	**2x180m^3/h**	**2007**	**Liebherr - Đức**	**Bộ**		**132,86**	
-	Cụm nồi trộn 1,2				Bộ	1,0	57,04	
-	Băng tải nghiêng				Bộ	1,0	27,75	
-	Sillo thẳng hàng + phễu cân + băng tải xả				Bộ	1,0	48,07	
2	**Nồi trộn 3,4**	**2x180m^3/h**	**2007**	**Liebherr - Đức**	**Bộ**		**132,86**	
-	Cụm nồi trộn 3,4				Bộ	1,0	57,04	
-	Băng tải nghiêng				Bộ	1,0	27,75	
-	Sillo thẳng hàng + phễu cân + băng tải xả				Bộ	1,0	48,07	
3	**Silo trữ tro bay, xi măng**						**509,17**	
-	Silo 550 tấn	550tấn	2014	Việt Nam	Cái	12,0	360,32	

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật chính	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Đvt	Số lượng	Trọng lượng ước tính (Tấn)	Ghi chú
-	Silo 750 tấn	750tấn	2014	Việt Nam	Cái	4,0	148,85	
4	**Máy nạp tro bay**	**30tấn/h**	**2013**	**Liebherr - Đức**	**Máy**	**1,0**	**7,20**	
II	**Hệ thống làm lạnh cốt liệu**						**383,02**	
1	**Chiller lạnh, bơm nước, bể lắng, tách cặn**	**230m^3/h**	**2006**	**Hansa - Đức**	**HT**		**170,78**	
-	Chiller lạnh				HT	4,0	109,84	
-	Bơm nước				HT	1,0	5,53	
-	Bể lắng, tách cặn				HT	1,0	55,42	
2	**Trạm đá băng**	**2x40tấn/ngày**	**2012**	**Snowkey - Trung Quốc**	**Trạm**	**1,0**	**55,25**	
3	**Băng tải làm lạnh cốt liệu**						**103,69**	
-	Băng tải E1 + đầm rung	300m^3/h	2007	Liebherr - Đức	Bộ	1,0	103,69	
-	Băng tải E2 + đầm rung	300m^3/h	2007	Liebherr - Đức	Bộ	1,0		
-	Băng tải E3 + đầm rung	300m^3/h	2007	Liebherr - Đức	Bộ	1,0		
-	Băng tải E4 + đầm rung	300m^3/h	2007	Liebherr - Đức	Bộ	1,0		
-	Sàng tách nước F1,2,3 + container điều khiển	350m^3/h	2007	Liebherr - Đức	Bộ	3,0		
4	**Băng tải vận chuyển cốt liệu**						**53,30**	
-	Băng tải C1	350m^3/h	2007	Liebherr - Đức	Bộ	1,0	13,32	
-	Băng tải C2	350m^3/h	2007	Liebherr - Đức	Bộ	1,0	13,32	
-	Băng tải C3	350m^3/h	2007	Liebherr - Đức	Bộ	1,0	13,32	

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật chính	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Đvt	Số lượng	Trọng lượng ước tính (Tấn)	Ghi chú
-	Băng tải C4	350m^3/h	2007	Liebherr - Đức	Bộ	1,0	13,32	
III	**Băng tải vận chuyển bê tông**	**400m^3/h**	**2007**	**Nippon conveyor - Nhật Bản, kết cấu thép gia công tại Việt Nam**	**Bộ**	**165,0**	**1.663,38**	
1	Băng tải F101	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	58,38	
2	Băng tải F102	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	36,92	
3	Băng tải BC1	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	144,34	
4	Băng tải BC2	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	216,30	
5	Băng tải R202	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	117,63	
6	Băng tải R203	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	336,79	
7	Băng tải R304	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	125,41	
8	Băng tải S101	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	24,40	

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật chính	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Đvt	Số lượng	Trọng lượng ước tính (Tấn)	Ghi chú
9	Băng tải R302	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	124,07	
10	Băng tải R101	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	144,10	
11	Băng tải R303	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	120,70	
12	Băng tải S102	400m^3/h	2007	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	1,0	24,40	
13	Khối lượng nâng thân R304, R303, R203	400m^3/h	2007 2015	Nippon conveyor - Japan, kết cấu thép gia công tại Việt Nam	Bộ	153,0	189,97	
B	**Dây truyền vận chuyển đá C1,C2,C3,C4** **- Mã tài sản: 162LIE022K350M01** **- Năm sử dụng: 2012** **- Nước sản xuất: Thái Lan, Đức**						**53,30**	
-	Băng tải C1	350m^3/h	2012	Liebherr - Đức	Bộ	1,0	13,32	
-	Băng tải C2	350m^3/h	2012	Liebherr - Đức	Bộ	1,0	13,32	
-	Băng tải C3	350m^3/h	2012	Liebherr - Đức	Bộ	1,0	13,32	
-	Băng tải C4	350m^3/h	2012	Liebherr - Đức	Bộ	1,0	13,32	
C	**Hệ thống nạp tro bay Liebherr** **- Mã tài sản: 161LIE075K030T01** **- Năm sử dụng: 2010** **- Nước sản xuất: Đức**	**30tấn/h**	**2009**	**Liebherr - Đức**	**Máy**	**1,0**	**7,20**	